

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22 – 8 – 2024

“Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trí.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đông.

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Biện Việt Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024; Thông báo mở lại phiên tòa số 39/2024/TB-TA ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1994; Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Phú T, sinh năm 1992; Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Phạm Phú T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận vào ngày 12/12/2017. Sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo làm ăn mà cờ bạc. Đã nhiều lần chị H khuyên ngăn anh T nhưng anh T không thay đổi dẫn đến vợ chồng xảy

ra gây gỗ, cãi vã. Hiện nay, chị **H** xác định không thể chung sống với anh **T** được nữa vì tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh **T**.

Về con chung: Chị **H** và anh **T** có 01 người con chung tên **Phạm Tuấn K**, sinh ngày 28/02/2019. Khi ly hôn, chị **H** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Phạm Tuấn K** cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Theo biên bản lấy lời khai, ý kiến đã thu thập được trong hồ sơ vụ án bị đơn anh **Phạm Phú T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh **T** và chị **Trần Thị H** chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại **UBND xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận** vào tháng 12/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy có một số mâu thuẫn nhỏ nhưng đã tự giải quyết với nhau. Theo yêu cầu ly hôn của chị **H** thì anh **T** không đồng ý ly hôn vì anh rất yêu thương vợ con, mong muốn chị **H** tha thứ và cho cơ hội để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh **T** và chị **H** có 01 người con chung tên **Phạm Tuấn K**, sinh ngày 28/02/2019. Trường hợp phải ly hôn, anh **T** có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung **Phạm Tuấn K** cho đến khi thành niên không yêu cầu chị **H** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 110, ngày, tháng, năm đăng ký 12/12/2017 của **UBND xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận**; 01 Trích lục khai sinh số 132/TLKS-BS ngày 14/3/2019 của **UBND xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận**; 01 bản sao có chứng thực Căn cước công dân của chị **Trần Thị H**;

Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương **xã N** về quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị **H**, anh **T** và lập Biên bản xác minh ngày 12/6/2024 (Bút số 20).

[4]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án: Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thị H**; về quan hệ hôn nhân: xử cho **chị Trần Thị H** được ly hôn với **anh Phạm Phú T**; Về con chung: giao cho **chị Nguyễn Thị H1** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 01 người con chung tên **Phạm Tuấn K**,

sinh ngày 28/02/2019 cho đến khi thành niên; về án phí: buộc **chị H1** phải nộp **300.000đồng** án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn **chị Trần Thị H** vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh **Phạm Phú T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Trong vụ án chỉ có yêu cầu của nguyên đơn **chị Trần Thị H**, yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con; ngoài ra không có yêu cầu nào khác của các đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ pháp luật trong vụ án là “**Ly hôn, tranh chấp về nuôi con**” căn cứ theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

Tranh chấp dân sự quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; các đương sự có nơi cư trú tại **huyện T, tỉnh Bình Thuận**. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

*[3.1] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn **chị Trần Thị H**, Hội đồng xét xử nhận định:*

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 110, ngày, tháng, năm đăng ký 12/12/2017 của **UBND xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận** (Bút lục số 02) mà **nguyên đơn chị Trần Thị H** đã cung cấp; căn cứ lời khai phù hợp của nguyên đơn **chị H** và bị đơn anh **T**; có đủ cơ sở xác định: **Chị Trần Thị H** và anh **Phạm Phú T** chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Do đó quan hệ hôn nhân giữa **chị H** và anh **T** là hợp pháp. Vì vậy, **chị H** có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai **chị Trần Thị H** trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh **Thiện I** vào con đường cờ bạc. Nhiều lần **chị H2** đã khuyên

ngăn anh **T** nhưng anh **T** không thay đổi, từ đó vợ chồng thường xảy ra cãi vã, gia đình mất hạnh phúc, không còn niềm tin cho nhau nữa. Hiện nay, chị **H** xác định không thể chung sống với anh **T** được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh **T**. Tại biên bản lấy lời khai (bút lục 15) anh **T** trình bày: Sau khi kết hôn anh và chị **H** chung sống hạnh phúc, tuy có xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ nhưng anh chị đã tự giải quyết, bản thân anh **T** rất yêu thương vợ con, không mong muốn ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt cho chị **H** và anh **T**. Tuy nhiên, tại phiên họp và hòa giải chỉ có mặt chị **H**, vắng mặt anh **T** không có lý do nên không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Ngày 27/2024 chị **H** nộp đơn đề nghị xét xử mặt.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định được: Mâu thuẫn vợ chồng giữa vợ chồng chị **H** và anh **T** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, phù hợp với biên bản xác minh về trình trạng hôn nhân giữa chị **H** và anh **T** tại địa phương. Vì vậy, chị **H** yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho chị **H** được ly hôn với anh **T**.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ vào Trích lục khai sinh số 132/TLKS-BS ngày 14/3/2019 của UBND xã **N**, huyện **T**, tỉnh Bình Thuận mà nguyên đơn chị **Trần Thị H** đã cung cấp; căn cứ lời khai phù hợp của nguyên đơn chị **H** và bị đơn anh **T**; có đủ cơ sở xác định được: Chị **H** và anh **T** có 01 người con chung tên **Phạm Tuấn K**, sinh ngày 28/02/2019. Chị **H** và anh **T** cũng đều có nguyện vọng được nuôi con chung sau khi ly hôn. Các bên hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con phát triển tốt về mọi mặt. Cháu **K** hiện nay mới hơn 05 tuổi, chuẩn bị vào học cấp 1 nên cần hơn sự chăm sóc, đưa đón của người chị **H**. Do đó, yêu cầu của chị **H** việc nuôi con là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung chưa thành niên, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận; xử giao cho chị **Trần Thị H** có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục **Phạm Tuấn K**, sinh ngày 28/02/2019 cho đến khi thành niên; anh **Phạm Phú T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử buộc **chị Trần Thị H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Ý kiến đề nghị giải quyết vụ án của của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh là có căn cứ và phù hợp với quy định của Pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 144, các Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **chị Trần Thị H**.

- Về việc ly hôn: **Chị Trần Thị H** được ly hôn với anh **Phạm Phú T**.

- Về việc nuôi con: Giao cho **chị Trần Thị H** có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 người con chung tên **Phạm Tuấn K**, sinh ngày 28/02/2019 cho đến khi thành niên. Anh **Phạm Phú T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2]. Về án phí: Buộc **chị Trần Thị H** phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005921 ngày 10/05/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; sau khi khấu trừ, **chị Trần Thị H** đã nộp đủ tiền án phí.

[3]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã Nghị Đức;
- CC THADS h.Tánh Linh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

Trần Mạnh Trí